

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

GIẤC MƠ, HỒN MA, ĐIỀM BÁO TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

ĐOÀN THỊ HUỆ*

Kết hợp hiệu quả hai yếu tố truyền thống và hiện đại trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, các nhà văn Việt Nam hôm nay đã chú ý nhiều hơn đến thủ pháp hư cấu nghệ thuật bằng các motif truyền thống. Bài viết nghiên cứu tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại trên phương diện nghệ thuật hư cấu nhân vật và sự kiện lịch sử qua các motif: giấc mơ, hồn ma, điềm báo, góp phần làm rõ một trong những đặc trưng làm nên thành công của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại.

Từ khóa: nghệ thuật ảo hóa, motif, giấc mơ, hồn ma, điềm báo, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại

Nhận bài ngày: 23/6/2017; đưa vào biên tập: 28/6/2018; phản biện: 6/7/2018; duyệt đăng: 25/7/2018

1. GIỚI THIỆU

Trong cuốn sách có tựa đề *Yếu tố kỳ ảo trong văn xuôi đương đại Việt Nam*, Bùi Thanh Truyền (2014: 41) đã viết: “Sẽ không quá chủ quan khi cho rằng, trong mỗi truyện có yếu tố kỳ ảo Việt Nam những năm gần đây đều có sự kết hợp biện chứng giữa hai yếu tố truyền thống và hiện đại”. Đối với các sáng tác tiểu thuyết lịch sử được xuất bản những năm gần đây, nhận định trên khá sát hợp. Các tác giả tiểu

thuyết lịch sử Việt Nam đương đại thật sự đã chinh phục được bạn đọc qua các tác phẩm như *Tám triều vua Lý* và *Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải), *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Hội thề* (Nguyễn Quang Thân), *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo)..., tạo nên những hiện tượng văn học đáng chú ý trong giới sáng tác, nghiên cứu phê bình văn học hiện nay. Một trong những lý do dẫn đến sự thành công của các tác giả là sự kết hợp nhuần nhị giữa truyền thống và hiện đại; đặc biệt là việc kế thừa tinh hoa của nền văn học trước trong nghệ thuật xây dựng cái kỳ ảo,

* Trường Đại học Đồng Nai.

phi thực làm bầu khí quyền huyền ảo phủ lên các nhân vật và sự kiện lịch sử. Từ sự liên kết các motif giấc mơ, hồn ma, điềim báo trong tác phẩm, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã đem đến cái nhìn đa diện, đa chiều về quá khứ. Đây còn là thủ pháp nghệ thuật giúp nhà văn đi sâu lật xới từng mảng hiện thực đời sống, nội soi thấu đáo các vấn đề thuộc về nhân sinh, thể sự của con người ngày ấy và hôm nay.

2. TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI VỚI CÁC MOTIF: GIẤC MƠ, HỒN MA, ĐIỀM BÁO

Trong nghiên cứu văn học, thuật ngữ *motif* được biết đến là một công thức có tính ước lệ, biểu trưng nghệ thuật của cốt truyện, được lặp đi lặp lại trong tác phẩm. Trong thủ pháp nghệ thuật nói chung và trong tiểu thuyết lịch sử nói riêng, motif còn được ghi nhận là một đơn vị trần thuật đơn giản và hiệu quả. Bằng hình tượng và cũng bằng những mẫu khái quát sơ khởi (có đặc điểm về tính đồng nhất), thủ pháp hư cấu nghệ thuật bằng các motif đã tạo nên ở người đọc những ấn tượng mạnh mẽ về các nhân vật, mảng hiện thực/sự kiện lịch sử quan trọng được lặp lại nhiều lần trong tác phẩm.

2.1. Motif giấc mơ

Đến với tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, người đọc bắt gặp không ít giấc mơ ẩn giấu những điều phi thực. Đó là những giấc mơ gắn liền niềm dự cảm lẫn nỗi ám ảnh của nhân vật về bi kịch của kiếp người. Sự kiện Huyền Trân công chúa về làm dâu đất Chiêm

Thành đã được báo trước trong giấc mơ của người hầu gái tên Bích Huệ: “Cảnh tiền đưa công chúa hôm nay, em đã mơ thấy từ năm năm trước rồi” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 252). Hình ảnh con rắn và dáng đi loạng choạng trong cơn ảo mộng của Thái Phúc như niềm dự cảm đầy ám ảnh về hồi kết bi kịch của ông và Nguyễn Trãi trong *Hội thề* (Nguyễn Quang Thân): “Không hiểu sao tôi vừa nhìn thấy trong đám bụi mù trên sông cảnh tôi và huynh loạng choạng vờ tìm nhau trong đêm tối. Cuối cùng thì tôi cũng tìm được huynh nhưng cả hai chỉ là cái xác không đầu” (Nguyễn Quang Thân, 2011: 323). Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại còn hàm chứa nhiều giấc mơ có ý nghĩa dự báo về vận mệnh, sự hưng vong của một triều đại phong kiến. Vua Trần Nghệ Tông mơ thấy em trai là Duệ Tông báo mộng, đọc bài thơ có hai con vật là gà trắng và hầu mõm đỏ: “Trung gian duy hữu xích chủ hầu / Ân cần tiềm thưởng bạch kê lâu / Khẩu vương dĩ định hưng vong sự / Bất tại tiền đầu, tại hậu đầu” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 45). Nguyễn Xuân Khánh không đi sâu cắt nghĩa nhưng từ sự giải mộng của Sử Văn Hoa, người đọc hiểu rõ hai con vật ấy là biểu trưng cho Nghệ hoàng và Hồ Quý Ly. Giấc mơ có ý nghĩa tiên báo nguy cơ thoán nghịch sắp tới của con cháu họ Hồ.

Đọc *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), người đọc bắt gặp không ít giấc mơ chuyên chở chuỗi suy tư, ý tưởng ham muốn của nhân vật lịch sử. Đó là giấc

mơ của Hồ Quý Ly khi gặp Nghệ hoàng: “Trong giấc mộng, thái sư đã gặp Nghệ hoàng. Ông vua già đang nằm vống đọc sách” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 455); là giấc mơ của Hồ Quý Ly khi gặp người có gương mặt bôi vôi: “Ta thấy mình đi ngang qua dưới lầu Đại Minh. Đứng từ xa đã thấy một bóng người trên lầu” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 524- 525); là giấc mơ Hồ Quý Ly gặp lại người vợ quá cố là công chúa Huy Ninh: “Mấy đêm liền, ta đều mơ thấy phu nhân” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 610). Giấc mơ là sự trở lại của ký ức, là nỗi ám ảnh đời thường, nó mang trong mình cõi thực và mộng. Thế giới của giấc mơ là thế giới mờ tuyệt đối. Ở đó, mọi ý thức tâm lý đều bị gạt bỏ, nhường chỗ cho những suy tư trần trụi, những khát vọng muốn giấu kín của người đời. Qua lăng kính giấc mơ, nhân vật lịch sử Hồ Quý Ly hiện lên chân thật, sống động và giàu sức ám gọi. Ám ảnh người đọc nhất là giấc mơ Hồ Quý Ly gặp Nghệ hoàng. Trong giấc mơ, những suy nghĩ sâu kín nhất trong mối quan hệ vua - tôi đã được bộc lộ. Hồ Quý Ly có dịp bày tỏ quan điểm lẫn nỗi khổ tâm của ông khi thực thi biến pháp. Sự trở về của Nghệ hoàng là sự trở về của chính cái “tôi” Hồ Quý Ly trong niềm day dứt, ám ảnh khi phải làm điều không đúng với người thuộc tôn thất nhà Trần. Giấc mơ thứ hai thể hiện khát vọng cầu hiền đãi sĩ của Hồ Quý Ly giữa thời cuộc thiên túy. Đáp lại nỗi hoài mong trông chờ của Hồ Quý Ly là thái

độ bàng quan, ơ hờ của người mang gương mặt bôi vôi. Hình ảnh/chi tiết nghệ thuật mang tính dự báo chuỗi bi kịch sau đó của Hồ Quý Ly: không được lòng dân, không được kẻ sĩ về châu nên không giữ được ngôi nước. Giấc mơ thứ ba tỏ rõ con người bên trong của Hồ Quý Ly: là vị thái sư đầu triều mưu lược, quyết đoán, Hồ Quý Ly còn là người chồng rất mực nghĩa tình, hết lòng với người phụ nữ của đời mình. Viết sách Minh Đạo phê phán cả Khổng Tử, Chu Trình, Hồ Quý Ly tỏ rõ là người có trình độ học vấn lớn của thời đại. Cả đời ông theo đuổi chính sách canh tân đất nước. Ông chong đèn viết sách Minh Đạo những mong cảnh tỉnh kẻ sĩ, chấn hưng dân quốc. Ông đau đáu một lòng cầu hiền đãi sĩ. Nhưng trông người người càng vắng bóng, chính sách canh tân của ông bị kẻ sĩ phản đối. Ông vừa buồn giận, vừa tiếc nuối lại vừa trông chờ. Bấy nhiêu cảm xúc đan xen, trộn lẫn đi vào giấc mơ “gương mặt bôi vôi”. Từ đó, người đọc cảm nhận được con người bên trong của Hồ Quý Ly: cô độc, sợ hãi và hoài nghi chính mình. Ông hoảng hốt trong giấc mơ gặp Nghệ hoàng không phải vì sợ ông vua già đã mất mà là sợ chính mình. Ông sợ mình không đủ lạnh lùng và tàn nhẫn, không đủ quyết đoán và điều kiện để thực thi biến pháp. Và hơn hết, ông sợ không có người ủng hộ mình. Ông đau khổ, vật vờ vì thiếu người chia sẻ. Ông vật lộn với nỗi trống vắng không thể giải bày cùng ai. Sự trống vắng ấy đi cả vào giấc mơ.

Khác với người cha Hồ Quý Ly, đối với Hồ Nguyên Trừng giấc mơ là sự trở về của những mảnh hồi ức tuổi thơ. Sự chông chênh giữa thực và ảo đưa Nguyên Trừng lạc vào cõi mộng. Mộng đã đến và nó “đánh thức cái hồn mơ màng ở chỗ sâu kín trong tôi, vẫy gọi nó thoát xác” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 648). Trong giấc mơ, Hồ Nguyên Trừng sống với hình ảnh con ma Ngọc Lan trong dáng dấp một giai nhân rất thực: “Con ma của tôi lại là một giai nhân. Một cô gái đẹp, rất trẻ, đội nón thúng quai thao” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 649). Con ma Ngọc Lan chỉ xuất hiện trong giấc mơ của Nguyên Trừng: “Ngọc Lan hay cô ma xinh đẹp ấy, trong cuộc đời tôi thỉnh thoảng lại trở về trong mộng” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 650). Thông thường, những khi bế tắc, con người thường rơi vào mộng ảo. Mộng ảo giúp con người giải tỏa muộn phiền, cân bằng trạng thái tâm lý. Hồ Nguyên Trừng cũng đã một lần thừa nhận: “phút mơ màng trở về thuở ấu thơ lúc này cũng là cách chối bỏ” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 650). Những khi muốn chối bỏ tất cả, Hồ Nguyên Trừng lại chìm vào hư ảo. Xây dựng nhân vật lịch sử Hồ Nguyên Trừng, Nguyễn Xuân Khánh đặt nhân vật vào không gian chật hẹp của giấc mơ để nhân vật được là chính mình. Trong giấc mơ, nửa con người kia của Hồ Nguyên Trừng được bộc lộ. Đó là con người gắn liền với sự tự ý thức rất cao về bản thân, về sự còn mất của cuộc đời, về niềm hạnh phúc giản dị với

người mình yêu và về cả những cơn co giật cuồng nộ của thể sự thịnh suy. Sống trong cung đình nhưng chuỗi cảm xúc liên tưởng ấy cứ dồn dập trở về. Điều đó càng chứng tỏ Hồ Nguyên Trừng là con người sống thiên về cảm xúc hơn lý trí, nội tâm hơn hành động, bản thể nghệ sĩ hơn người làm chính trị. So với các nhân vật lịch sử khác, Hồ Nguyên Trừng dễ dàng tìm gặp chính mình trong giấc mộng.

Không chỉ mơ trong lúc ngủ, nhiều nhân vật trong các tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại còn mơ trong lúc thức. Đó là giấc mơ của Trần Quốc Tuấn trước hung tin giặc Nguyên sắp tràn vào bờ cõi; giấc mơ của vua Duệ Tông trước khi xuất binh chinh phạt Chiêm Thành; giấc mơ của Ngạn La khi vô cớ bị giam nơi ngục lạnh; giấc mơ của viên hàng tướng Thái Phúc trước khi về chịu tội trước thiên triều. Trong *Bão táp triều Trần* (Hoàng Quốc Hải), nhân vật Trần Quốc Tuấn đã một lần mơ trong lúc thức. Năm 1258, sau khi chiếm trọn Trung Hoa, giặc Nguyên mạnh như vũ bão, hung hãn mang đại quân rầm rập tiến vào Đại Việt. Hưng Đạo đại vương ngày đêm lo nghĩ, kiếm tìm phương kế đuổi giặc giữ nước. Đúng lúc vương căng mắt nhìn tám bản đồ thì “Bỗng ông hình dung ra một dải đê cao vút và một dòng sông đầy áp nước. (...) Và chỉ trong chốc lát, chúng cuốn phăng cả một dải đê dài lút mắt. Nước trắng trời” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 385). Ảo giác ấy vô tình gợi ý cho Quốc công kế sách đánh giặc “vừa đánh vừa lui”

nhưng không để quân tan vỡ nhằm dần mỏng lực lượng địch. Lúc này thế giặc mạnh chẳng khác gì con lũ lớn, sẵn sàng cuốn trôi tất cả. Nếu vương mở nhiều cống cho nước lũ tràn đi khắp các ngả thì đề sẽ không vỡ. Quả thật sau đó, khi giặc tiến đánh Nội Bàng, Quốc công cho quân vừa đánh vừa lui về Vạn Kiếp, vừa tập cho quân quen với kẻ thù thiện chiến, vừa tạo cho địch tâm lý chủ quan, khinh mạn. Nếu giặc đánh đến ba trận mà trận nào cũng ưu thắng tất sẽ tự phụ, bộc lộ sơ hở. Đến lúc ấy, vương mới phản công xoay chuyển thế cờ. Vừa kịp lúc mùa hè đến, thời tiết mưa nắng thất thường, sức chiến đấu của quân giặc suy giảm. Trên khắp mặt trận, giặc rơi vào tình thế bất lợi, quân ta thừa thắng mở cuộc tổng phản công, tiến vào giải phóng Thăng Long, đuổi sạch giặc Nguyên ra khỏi bờ cõi. Như vậy, vì đau đầu tìm phương kế đuổi giặc, Trần Quốc Tuấn rơi vào trạng thái khác hẳn. Giấc mơ giữa ban ngày là kết quả của sự chín muồi về suy tưởng, cảm xúc trước cảnh huống, sự kiện phù hợp với nhu cầu của con người. Giấc mơ đến đúng lúc giúp vương tìm ra kế hay diệt giặc.

Mơ trong lúc thức còn có giấc mơ của Duệ Tông trong *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh). Trước khi xuất binh chinh phạt Chiêm Thành, muốn yên lòng binh sĩ, Duệ Tông bịa ra giấc mơ giả. Giấc mơ ấy là điềm báo báo trước sự thất bại của Duệ Tông khi ông mang 12 vạn tinh binh ra đi nhưng không một người trở về. Nói như Sử

Văn Hoa: “Tuy chưa phải là mơ nhưng thật ra lại là mơ. Bởi vậy khi bệ hạ thốt thành lời, đã buột miệng nói ra: “Lúc đó trời sầm xịt, u tối”. Câu nói đó chính là giấc mộng. Con người ta có thể trong lúc thức mà vẫn mơ” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 140).

Trong *Giàn thiêu*, Võ Thị Hảo đã góp phần mang lại sắc thái tươi mới cho tiểu thuyết lịch sử bởi sự xuất hiện nhiều giấc mơ thực - ảo hòa quyện. Ở đó có giấc mơ của Từ Lộ và mẹ chàng, sau khi Từ Vinh (cha Từ Lộ) bị Diên Thành Hầu sát hại. Trong giấc mơ, Từ Lộ gặp lại hình bóng xác cha bên bờ sông máu: “mơ màng thấy cha. Khuôn mặt đầm máu” (Võ Thị Hảo, 2005: 59). Cũng trong giấc mơ, Từ Lộ gặp lại nàng Nhuệ Anh yêu kiều, vợ chưa cưới của mình với “gương mặt một thiếu nữ nhợt nhòa, đôi mắt dài và có đuôi như lá”. Khi đã chuyển kiếp thành Lý Thần Tông, bóng dáng Nhuệ Anh vẫn luôn hiện hữu trong trái tim ngài. Với Từ Vinh phu nhân, bà thường mơ gặp lại người chồng thân yêu nơi chín suối. Giấc mơ của Từ Lộ mang ý nghĩa điềm báo dẫn lối đưa chàng đến bờ sông máu tìm xác cha. Về sau nó trở thành động lực thúc đẩy Từ Lộ quyết tâm học đạo để trả thù nhà. Giấc mơ của Từ Vinh phu nhân thể hiện sợi dây thần giao cách cảm giữa hai vợ chồng. Khi vụ án Từ Vinh không được xét xử, bà vì uất ức đã chết ngay trước bàn thờ chồng.

Như vậy, bằng việc sử dụng giấc mơ, các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã chuyển cái nhìn

vào bên trong nhân vật, thể hiện cuộc du hành vào cõi siêu nhiên phi thực, từ đó tạo nên không khí huyền ảo, kỳ kỳ trong tác phẩm. Đi vào thế giới kỳ ảo trong mộng, nhân vật thực hiện cuộc chu du trong tâm tưởng đến với những miền đất bí ẩn, mới lạ, vô cùng sinh động. Đó là thế giới kỳ lạ, nơi cái thực được hư hóa, cái hư được thực hóa. Đó cũng là sự nối dài và mở rộng không gian cho hiện thực trong câu chuyện lịch sử. Nhờ đó mạch truyện được phát triển tự nhiên, không đứt gãy, gượng ép, lưu giữ ấn tượng sâu đậm trong tâm trí người đọc. Mơ trong lúc thức còn là một kỹ xảo nghệ thuật được tác giả tiểu thuyết lịch sử vận dụng nhằm giải thích sự kiện/hiện tượng lịch sử và chuyển tải thông điệp của tác phẩm.

2.2. Motif hồn ma

Người phương Đông lẫn phương Tây đều cho rằng: trong mỗi con người luôn có linh hồn; khi con người chết đi, thân thể bị tiêu hủy, linh hồn thoát ra tiếp tục tồn tại và chuyển hóa. Nếu linh hồn đó không có cơ hội đầu thai hoặc nơi trú ngụ chung với các linh hồn khác mà tương tác với cõi thực có con người thì gọi là “ma”, “hồn ma”, “quỷ”. Phật giáo gọi linh hồn là hương linh. Trong văn học phương Đông lẫn phương Tây, ma thường hiện hình thành phụ nữ, mà thường là phụ nữ đẹp.

Ngoài nhân vật nàng My Ê trong *Tám triều vua Lý* của Hoàng Quốc Hải, độc giả tiểu thuyết lịch sử còn có dịp biết đến nhiều nhân vật ma nữ khác, đó là

bóng ma của Thượng Dương hoàng hậu và 76 cung nữ, những người từng bị Ý Lan bức hại trong *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải) và trong *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo), là con ma Ngọc Lan mang dáng dấp một giai nhân rất thực: “Con ma của tôi lại là một giai nhân” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 649). Cuộc sống chính trường hồi hải, bạo liệt khiến Hồ Nguyên Trừng cảm thấy mệt mỏi, bất giác rơi vào nỗi cô đơn trống vắng. Nỗi niềm đó không thể giải bày trong cuộc sống đời thường nên đã tự giải tỏa trong giấc mơ. Bóng ma Ngọc Lan xuất hiện trong giấc mơ của Nguyên Trừng như ẩn ý của nhà văn về bản chất nghệ sĩ và niềm khát khao hạnh phúc giản đơn luôn đi về trong suy nghĩ nhân vật. Nó giúp nhân vật giải tỏa phiền muộn, cân bằng trạng thái tâm lý trong cuộc sống.

Hồ Quý Ly của Nguyễn Xuân Khánh cũng ám ảnh người đọc bởi hai nhân vật ma khác: vua Trần Duệ Tông và Trần Nghệ Tông. Bóng ma Duệ Tông hiện về trong giấc mơ của Nghệ Tông và đọc bài thơ tiên báo số phận nhà Trần. Bóng ma Nghệ Tông hiện về trong giấc mơ của Hồ Quý Ly, thực hiện cuộc đối chất với vị thái sư đầu triều về quá trình thực thi biến pháp. Tất cả đều là dụng ý của nhà văn để khám phá chiều sâu bí ẩn, nhiều chiều của đời sống con người.

Dư luận đương thời có quyền nghi ngờ về giấc mơ kỳ lạ của vua Nghệ Tông. Người đọc hôm nay chưa hẳn đã tin vào sự hiện hữu của bóng ma Duệ Tông trong dáng dấp vị thần

Đồng Cổ. Điều mà mọi người có thể hiểu được là chi tiết nghệ thuật trên chính là thể hiện nỗi lo sợ thường trực của Nghệ hoàng về vận nước, về sự còn mất của cơ nghiệp nhà Trần giữa thời cuộc “thiên túy”. Là người đỡ đầu cho cả hai phe bảo thủ và canh tân, là người muốn duy trì vai trò và sức ảnh hưởng của dòng họ đối với dân tộc, nhưng lại hết lòng tin tưởng và cất nhắc Hồ Quý Ly, nên lòng Nghệ hoàng luôn thường trực nỗi lo về vận nước. Ngày nghĩ đêm mơ. Sự thương tiếc khôn nguôi của nhà vua đối với người em xấu số hòa quyện cùng nỗi bất an về vận nước trở thành nguyên nhân cho sự xuất hiện giấc mơ kỳ lạ.

Tương tự thế, sau cái chết của Nghệ hoàng, sau tất cả những gì đã làm để công cuộc thực thi biến pháp được diễn ra thuận lợi, nghĩa là sau tất cả những việc làm tàn độc nhằm chặt hết các vây cánh chống đối, Hồ Quý Ly phải đối mặt Nghệ hoàng trong giấc mộng: “Trong giấc mộng, thái sư đã gặp Nghệ hoàng” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 455), “Quý Ly đau một cái đau khủng khiếp, điệp đại cả tâm hồn” (Nguyễn Xuân Khánh, 2010: 459).

Sự hoảng hốt của Hồ Quý Ly khi bắt gặp bóng ma vua Nghệ hoàng mang nhiều ý nghĩa. Thứ nhất, đó là sự trỗi dậy của mặc cảm tội lỗi khi ông không thực hiện đúng lời hứa với người đã khuất, cảm giác ăn năn vì phụ rầy lòng tin yêu của kẻ khác. Thứ hai, đó là nỗi sợ hãi cho chính mình trước những biến thiên của thời cuộc. Trong nhiều cảnh huống, Hồ Quý Ly luôn muốn và

cố thể hiện là người mạnh mẽ, quyết đoán, kiên trì thực thi đến cùng hoài bão bản thân. Nhưng từ sâu thẳm tâm can, ông sợ mình yếu đuối, cô đơn, dễ nản lòng và thua cuộc. Có lúc Hồ Quý Ly còn nghi ngờ cả chính con đường mình đi. Việc gặp lại hồn ma của Nghệ hoàng trong giấc mộng là dịp để Hồ Quý Ly bộc bạch nỗi lòng/suy nghĩ/quan điểm thật của ông trước vong linh người đã khuất. Đây là một hư cấu nghệ thuật thành công của Nguyễn Xuân Khánh trong việc sử dụng yếu tố phi thực (gặp ma trong giấc mộng) để phản ánh một điều rất thực: niềm dự cảm bất an và nỗi ám ảnh khôn nguôi của nhân vật. Như thế, có thể hiểu bóng ma của Duệ Tông trong giấc mơ của Nghệ hoàng và bóng ma của Nghệ hoàng trong giấc mơ của Hồ Quý Ly đều là ảnh hình phản chiếu con người thực bên trong của chính nhân vật ấy.

Giàn thiêu (Võ Thị Hảo) hấp dẫn người đọc bởi tình tiết thấy ma giữa ban ngày của cung nữ Ngạn La. Vô cớ bị giam vào lãnh cung, Ngạn La chứng kiến cuộc đối thoại giữa hai hồn ma của hai người đàn bà quyền lực: Dương Thái hậu và Linh Nhân Ý Lan. Cuộc đối thoại diễn ra giữa hai hồn ma đồng thời còn có sự tham gia của đàn chuột đói. Đàn chuột như lũ quỷ dữ hiện hình trong đêm khuya thanh vắng, đua nhau gặm cụt tay chân, róc sạch xương thịt bao cung nữ xấu số. Trong cuộc đối thoại kỳ lạ ấy, đàn chuột đói làm nên nỗi khiếp hãi cho Linh Nhân thái hậu. Chúng là công cụ trả thù, là cỗ máy xử

án lạ lòng mà Dương thái hậu dành riêng cho Ý Lan. Chúng vừa là nhân chứng vừa là quan tòa, là người thực thi công lý trong phiên tòa xét xử tội ác mà Ý Lan thái hậu đã từng gây ra trong quá khứ. Không cam chịu nỗi oan khiên, đêm đêm hồn ma Dương thái hậu và 76 cung nữ lại trở về với hình dạng cũ, không ngừng chất vấn và kết tội Linh Nhân: “Những bộ xương cẳng tay cẳng chân, đầu lâu từ từ dựng dậy nối nhau chuyển động xếp lại theo trật tự rầm rập thành hình người. Từ miệng những con chuột đang ngủ, một dòng da thịt chảy ra đắp vào những bộ xương đó” (Võ Thị Hảo, 2005: 216). Chi tiết hư cấu nghệ thuật trên có ý nghĩa biểu trưng: lòng thù hận không chỉ là công cụ báo oán mà còn là kẻ thù của kẻ làm việc ác. Khi sống, thái hậu Ý Lan từng làm điều tàn ác. Lúc sắp mất, bà phải gánh chịu nỗi đau của sự trừng phạt bởi lương tri và sự day dứt tâm hồn. “Ý Lan trợn tròn đôi mắt đã mất sinh khí. Khắp hầm mộ rạo rực tiếng các oan hồn không rõ hình hài. 76 thị nữ đã túm được áo Ý Lan thái hậu” (Võ Thị Hảo, 2005: 226). Đến khi chết, Ý Lan tiếp tục bị báo oán ở kiếp sau. Đàn chuột đói là hiện thân cho sự hối hận về những tội ác mà bà đã gây ra. Chi tiết nghệ thuật chuyển tải thông điệp nhà văn muốn gửi gắm: tội ác đã gây ra sẽ không bao giờ bị quên lãng mà trái lại nó luôn ám ảnh, dằn vặt, dày vò người gây tội. Đó cũng là biểu hiện cụ thể của quy luật “thiện giả thiện báo, ác giả ác báo” thường hằng trong tâm thức dân gian.

Có thể nói, với thủ pháp hư cấu nghệ thuật bằng motif giấc mơ, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam hôm nay đã có nhiều thành tựu khi tập trung khai thác chiều sâu vô thức của nhân vật lịch sử. Thủ pháp hư cấu nghệ thuật trên giúp câu chuyện lịch sử phát triển theo chiều hướng mới, góp phần gia tăng biên độ mở về cách kiến tạo nhân vật, khai phóng thủ pháp nghệ thuật, nâng cao hiệu quả tư tưởng, thẩm mỹ rõ nét cho tác phẩm. Qua đó, người đọc thêm hiểu và có cách lý giải thỏa đáng hơn đối với nhiều góc khuất thẩm sâu, dễ bị lãng quên trong tính cách nhân vật và sự kiện lịch sử chủ chốt.

2.3. Motif điềm báo

Hầu hết các sáng tác tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đều có sự hiện diện của motif điềm báo gắn liền lời sấm truyền, tiên báo, dự cảm về số phận/cuộc đời nhân vật và sự xuất hiện các sự kiện lịch sử quan trọng. Chân mệnh thiên tử của Lý Công Uẩn sớm được báo trước qua lời tiên đoán của thiền sư Vạn Hạnh: “Thực ra nó có tướng đế vương thánh đế trời ban cho nước ta” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 50). Về sau, lời tiên đoán của thiền sư Vạn Hạnh đã ứng nghiệm với sự kiện Lý Công Uẩn lên ngôi, mở ra vận hội mới cho dân tộc Đại Việt. Motif lời tiên đoán - sự ứng nghiệm tiếp tục trở lại ở những tập tiếp theo của *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải). Khi Lý Đức Chính tròn 15 tuổi, thiền sư Vạn Hạnh có lời rằng: “Đứa bé này lớn lên ắt đứng đầu trăm họ, sẽ là người có công hoàng dương Phật pháp” (Hoàng

Quốc Hải, 2011: 191). Diễn biến cuộc đời nhân vật Lý Đức Chính (Lý Phật Mã) về sau diễn ra đúng như thế. Dưới sự trợ giúp của tướng Lê Phụng Hiểu, Lý Phật Mã dẹp được loạn ba vương, chính thức đăng cơ, tiếp tục công cuộc hoàng dương Phật pháp mà tiên đế đã dày công khai mở.

Trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, motif điềm báo/lời tiên tri thường gắn liền các biểu hiện/dấu hiệu kỳ lạ liên quan đến nguồn gốc xuất thân của nhân vật lịch sử. Lý giải vận mệnh đế vương của Lý Nhật Tôn (Lý Thánh Tông), Hoàng Quốc Hải miêu tả không ít các sự kiện, hiện tượng kỳ lạ: hoàng hậu Mai Thị Minh Nguyệt mơ gặp vàng trắng chui tọt vào miệng khi hoài thai thái tử. Lúc hoàng hậu lâm bồn, trong cung sức nức mùi hương. Thái tử vừa chào đời đã lộ rõ tướng quý: mỗi lòng bàn tay đều có một chữ nhất. Điều này có điểm tương đồng với cách giải thích tên tục của hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ trong *Tây Sơn bi hùng truyện* (Lê Đình Danh). Lúc Nguyễn Huệ được sinh ra, đất trời có điềm tốt: “Lúc lâm bồn sinh con, hoa huệ trong vườn bỗng nở thơm ngát nên thân phụ con mới đặt tên chữ là Huệ, tên tục là Thơm” (Lê Đình Danh, 2006: 46). Thủ pháp hư cấu nghệ thuật bằng motif điềm báo được Hoàng Quốc Hải sử dụng khá phổ biến trong *Bảo tấp triều Trần* nhằm lý giải số phận, cuộc đời các nhân vật lịch sử. Trước khi vào trại giặc hiến mình cho Thoát Hoan, An Tư công chúa gặp Huyền

Trân tại Thiên Trường và “chợt trông thấy nốt ruồi son nơi gót sen bên tả của Huyền Trân. An Tư tối sầm mặt lại, vội vàng quay đi giấu giọt lệ. Nàng đau đớn thốt lên: Bất hạnh thay con gái họ Trần” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 499-500). Về sau, lão Dương nói với Huyền Trân về nốt ruồi son của nàng và lời tiên đoán của quan thái bô: “công nương có tướng cực quý nhưng chỉ phát ở cõ ngoài” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 99). Những lời tiên đoán trên về sau đã ứng nghiệm bằng sự kiện Huyền Trân chấp nhận lời cầu hôn của vua Chế Mân về làm dâu xứ Chiêm Thành để đổi lấy hai châu Ô, Lý. Một câu chuyện điềm báo khác: trước một ngày Ngô Tuấn (Lý Thường Kiệt) thụ chiếu nhậm chức Hoàng môn chi hậu, cả làng thấy điềm gở: “Vào một ngày thời tiết đang đẹp bỗng xám xịt màu chì. (...) Đâu đó một tiếng cú rúc giữa ban ngày nghe ghê rợn” (Hoàng Quốc Hải, 2010: 604). Hoặc chuyện buổi tối, trước ngày Chế Mân bị sát hại, Huyền Trân công chúa bắt gặp sự việc kỳ lạ: “Một con gà mái trắng nhảy lên cành mẫu đơn cao nhất, quay đầu vào nhà cất tiếng gáy te te” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 349). Điềm gở ấy báo trước tai họa khủng khiếp sẽ giáng xuống cuộc đời Huyền Trân: Chế Mân vĩnh viễn rời bỏ nàng bởi sự sát hại của lũ gian thần.

Thủ pháp hư cấu nghệ thuật bằng motif điềm báo còn có ý nghĩa dự báo sự thành/bại, hưng/phế của một triều đại phong kiến. Lời sấm truyền của thiền sư Vạn Hạnh sớm báo trước sự

thay đổi thời cuộc: nhà Lý thay thế nhà Tiền Lê trong mạch vận hành chung của lịch sử: “Thụ căn điều điều / Một biểu thanh thanh / Hòa đao mộc lạc / Thập bát tử thành”. Vừa giải nghĩa, vừa chiết tự, đại ý rằng: “Vua thì non yếu / Tôi thì cường thịnh / Họ Lê mất / Họ Lý nổi lên” (Hoàng Quốc Hải, 2010: 42). Lời sấm truyền trên về sau ứng nghiệm bằng sự kiện Lê Long Đĩnh ăn chơi sa đọa, sớm thất lộc, triều thần tôn phù thập đạo tướng quân Lý Công Uẩn lên ngôi.

Motif điềim báo/sự linh nghiệm đôi khi còn là lời nguyện - sự báo ứng, lời tiên báo từ giấc chiêm bao. Liên quan sự kiện nhà Trần sụp đổ, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại hai lần đề cập đến yếu tố kỳ ảo có tính tiên báo. Trước khi quy y Phật tổ, đứng trước bàn thờ tổ tông, Lý Huệ Tông nguyện rằng: “Hãy vì trăm họ mà tiêu diệt hết vây cánh họ Trần nhà chúng nó thì dù thân con có vùi chôn nơi chín suối cũng hả hê lòng dạ” (Hoàng Quốc Hải, 2011: 96). Trong những năm cuối đời mình, Trần Nghệ Tông chiêm bao thấy em trai Trần Duệ Tông hiện về báo mộng và đọc cho nghe bài thơ về hai con vật là gà trắng và hàu mồm đỏ. Lời giải mộng của Sử Văn Hoa cùng những việc xảy ra sau đó đã minh chứng sự linh nghiệm của lời nguyện và lời tiên báo trên.

Phải chăng các câu sấm truyền, lời tiên báo ấy có sức mạnh thần bí? Thu vén lớp màn sương khói thời gian, gạn lọc sự huyền nhiệm, thần bí của những câu sấm truyền, lời tiên báo,

độc giả hôm nay dễ nhận ra cốt lõi vấn đề: sự suy vi của triều đại này là bước khởi đầu cho triều đại tiếp theo. Để làm nên sự hưng thịnh của một triều đại luôn cần đến sự đóng góp của nhiều thế hệ người, trong đó không thể không kể đến người thuộc giới hoàng tộc. Kể lại câu chuyện xưa cũ của dân gian, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam hôm nay muốn nhấn mạnh sự thành/bại, hưng/vong của một triều đại vừa tuân thủ quy luật khách quan vừa thuận theo “thiên ý”. Có thể nói, đây còn là cách nói có tính nhấn mạnh của tác giả tiểu thuyết lịch sử. Nó nhắc nhở con người cần sống có trách nhiệm hơn đối với hiện tại; tương ứng với “nhân” nào sẽ gặt lấy “quả” ấy. Tự thân lời sấm truyền của thiền sư Vạn Hạnh, lời nguyện của vua Lý Huệ Tông, giấc mơ của vua Trần Nghệ Tông... không có sức mạnh thần bí nào cả. Nhà Lý diệt vong không phải do sức mạnh của lời sấm truyền không thể cưỡng lại. Cái hay, cái tài của thiền sư Vạn Hạnh không phải ở chỗ thiền sư biết được thiên cơ mà vì thông tuệ, thấu hiểu hơn người nên thiền sư sớm nhận ra quy luật vận động khách quan của lịch sử. Thiền sư nhận định chính xác thời điểm kết thúc triều tiền Lê khi trực tiếp chứng kiến hàng loạt sự biến: vua Lê Long Đĩnh cướp ngôi vua anh, bỏ đường sáng đi đường tối, mê đắm tửu sắc, làm điều tàn bạo. Lớp vỏ “lời sấm” có tác dụng gia tăng tính thuyết phục cho lời nhận định của thiền sư, tạo điều kiện thuận lợi cho thập đạo tướng

quân Lý Công Uẩn vững bước trên vũ đài chính trị.

Cũng như thế, sự diệt vong của nhà Trần hoàn toàn không phải do lời nguyên của vua Lý Huệ Tông linh ứng. Chuỗi sự kiện kể ra ở các tập tiếp theo trong *Bảo táp triều Trần* chỉ rõ nguyên nhân bước đường suy vi không hồi cứu vãn của nhà Trần. Sau vụ thất trận bất thành, Chu Văn An cởi mũ áo treo trước cổng Huyền Vũ, bái biệt Thăng Long. Không được tin dùng, Trần Nguyên Đán bắt mẫn lui về ở ẩn. Vua Dụ Tông bắt tài vô dụng, đam mê tửu sắc, mãi ngụp lặn trong trường hoang lạc, dâm bôn. Hiền Từ thái hậu vị tình riêng đến nhảm lẫn, đưa kẻ ngoại tộc Dương Nhật Lễ lên ngôi. Vua Nghệ Tông được tiếng vua hiền nhưng thiếu lòng tin và dũng khí thực thi kế sách hưng dân. Thái sư Hồ Quý Ly quyết đoán, mưu lược thâm tóm hết quyền hành. Vua Thuận Tông trẻ nít, không đủ sức xoay chuyển thế cờ. Tất cả những việc đó đã gióng lên hồi chuông báo tử cho nhà Trần và chỉ ra con đường diệt vong chung cho các triều đại phong kiến khác.

Xét đến cùng, với nghệ thuật hư cấu motif diêm báo, các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã đạt được những thành tựu nhất định khi đi sâu kiến giải quy luật vận động khách quan của các sự kiện lịch sử quan trọng. Mỗi nhà văn, với nhận thức, lập trường, quan điểm riêng đã có cách kiến tạo, xử lý tư liệu lịch sử rất khác nhau. Kết quả là người đọc được tiếp cận với nhiều cách phân tích và giả

định khác nhau về lịch sử. Khi đó, chất liệu lịch sử đã hóa thành chi tiết tiểu thuyết sống động, chân thật, cụ thể, in đậm dấu ấn sáng tạo của cá nhân nhà văn, neo giữ nhiều cung bậc cảm xúc phức hợp trong lòng bạn đọc

3. KẾT LUẬN

Yếu tố kỳ ảo bàng bạc khắp các câu chuyện kể cho thấy yếu tố siêu nhiên không hề vô can mà tác động trực tiếp đến sự thành/bại, hưng/phế của một kiếp người, một triều đại. Câu chuyện lịch sử được chuyển tải trong tác phẩm do đó trở nên đa nghĩa, có giá trị răn đe, cảnh tỉnh, hướng đạo con người. Nó nhắc nhở con người phải biết trân quý hiện tại và sống có trách nhiệm hơn đối với bản thân, cộng đồng/dân tộc. Nhuốm màu sắc hư ảo nhưng sự hiện diện của những motif kỳ ảo trên không gây cảm giác xa lạ, hãi sợ đối với người đọc. Trái lại nó góp phần tạo nên sự chặt chẽ, nhịp nhàng trong dòng mạch vận động chung của cốt truyện. Bức tranh lịch sử trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại không giản đơn với một gam màu hiện thực, nhà văn đã phủ lên nó ánh sáng huyền hoặc, đầy say mê và quyến rũ của cái kỳ ảo, thực hư hòa quyện. Trong thế giới vừa thực vừa ảo đó, nhân vật lịch sử hiện lên vừa chân thực vừa hư huyền, lấp lánh không ít hào quang và cũng tồn hiện nhiều phần bóng tối. Những vấn đề tồn tại của một xã hội, một thời đại hay cả những chân dung nhân vật vốn được sùng kính trong lịch sử nay được soi chiếu từ nhiều chiều, hiện

lên trong nhiều dáng vẻ, sinh động, hấp dẫn. Qua đó, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã tạo nên những góc nhìn mới, rút ngắn khoảng cách sử thi giữa nhân vật lịch sử và

con người đời thường, gián tiếp đề cập nhiều mảng khuất lấp của nhân vật lịch sử, chỉ ra nhiều bài học thiết thực cho con người trong cuộc sống hôm nay. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Thanh Truyền. 2014. *Yếu tố kỳ ảo trong văn xuôi đương đại Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn học, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
2. Hoàng Quốc Hải. 2010. *Thiền sư dựng nước*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
3. Hoàng Quốc Hải. 2010. *Con ngựa nhà Phật*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
4. Hoàng Quốc Hải. 2011. *Bão táp cung đình*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
5. Hoàng Quốc Hải. 2011. *Thăng Long nổi giận*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
6. Hoàng Quốc Hải. 2011. *Huyền Trân công chúa*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
7. Lê Đình Danh. 2006. *Tây Sơn bi hùng truyện*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
8. Nguyễn Xuân Khánh. 2010. *Hồ Quý Ly*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
9. Nguyễn Quang Thân. 2011. *Hội thề*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
10. Võ Thị Hảo. 2005. *Giàn thiêu*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.